

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 396 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và khoản 1 Điều 131
Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử
dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 548/2023/TLST-VHNGĐ
ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm
những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Đức V, sinh năm 1989

Nơi thường trú: khu phố Thái Hòa, phường Long Bình Tân, thành phố Biên
Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1994

Nơi thường trú: khu phố Thái Hòa, phường Long Bình Tân, thành phố Biên
Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Trần Đức V và bà Nguyễn Thị N thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đức V và bà Nguyễn Thị N thuận tình ly
hôn.

[2] Về con chung: Ông Trần Đức V và bà Nguyễn Thị N thỏa thuận: Giao
cháu Trần Nguyễn Thiên M, sinh ngày 16/05/2020 cho bà Nguyễn Thị N trông
nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hàng tháng ông V tự nguyện cấp dưỡng
cho con chung là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng/tháng) kể từ ngày 24 tháng 3 năm
2023 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải
quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không
thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đức V và bà Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Thiên M, sinh ngày 16/05/2020 cho bà Nguyễn Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hàng tháng ông V tự nguyện cấp dưỡng cho con chung là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng/tháng) kể từ ngày 24 tháng 3 năm 2023 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân.

Ông V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền đề nghị thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Đức V và bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0006663 ngày 06/3/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa được tính trừ vào lệ phí Ông Trần Đức V và bà Nguyễn Thị N phải nộp. Ông Trần Đức V và bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ lệ phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND phường (xã) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Hường